

Bản án số: 55/2022/DS-ST

Ngày: 21/9/2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Lê Thị Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 60/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Thế H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đường G, Phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thành L, địa chỉ: Đường G, Phường U, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 23/6/2022).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Căn hộ số A Chung cư S, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lý Thế H có ông Võ Thành L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Lý Thế H có mối quan hệ quen biết với ông Lương Minh T là hàng xóm, ông T có quen bà Nguyễn Thị Minh H, bà H kết tiền nên hỏi mượn ông H. Ông H đồng ý cho bà H vay tiền. Đồng thời, tại thời điểm cho bà H vay tiền thì bà H có ủy quyền cho ông H chuyển nhượng, hủy hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, hủy bỏ hợp đồng tặng cho, cho thuê, thanh lý hợp đồng cho thuê, vay và thế chấp hoặc thế chấp để đảm bảo cho bên thứ ba, thanh lý hợp đồng vay, thế chấp, giải chấp đối với toàn bộ quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 07/12/2013, ông H có cho bà H vay số tiền 150.000.000 đồng và bà H có viết giấy cam kết mượn tiền và đồng thời ký xác nhận vào giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013 và ký tên lẫn tay xác nhận đã nhận đủ tiền. Theo giấy mượn tiền này thì bà H không nói thời hạn trả nêu trong giấy cam kết mượn tiền.

Đến ngày 07/8/2014 bà H không có tiền trả nhưng mượn thêm số tiền 52.500.000 đồng và cam kết trả lãi nhưng thực tế khi nhận tiền theo giấy cam kết mượn tiền từ ngày 07/8/2014 thì bà H ghi tổng cộng theo hai lần tiền và ký xác nhận giấy cam kết mượn tiền ngày 07/8/2014 phía sau giấy cam kết bà H ghi đã trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận nhưng thực tế kể từ ngày vay hai khoản tiền bà H vẫn không thanh toán tiền gốc và lãi cho hai khoản vay nêu trên.

Nay thời gian vay tiền của bà H quá lâu ông H đã làm thủ tục yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H vẫn không thanh toán việc trả nợ cho ông H nên đề nghị Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà H trả cho ông H tổng số tiền 202.500.000 đồng của hai giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trước đây bà H có ủy quyền cho ông H chuyển nhượng, hủy hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, hủy bỏ hợp đồng tặng cho, cho thuê, thanh lý hợp đồng cho thuê, vay và thế chấp hoặc thế chấp để đảm bảo cho bên thứ ba, thanh lý hợp đồng vay, thế chấp, giải chấp đối với toàn bộ quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H giữ nhưng không liên quan đến khoản vay này. Vì vậy khi giải quyết thì chỉ yêu cầu bà H trả tiền không xử lý đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H đang giữ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thế H.

Tại phiên Tòa:

- Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông Võ Thành L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Thế H ngày 23/8/2022 yêu cầu như sau: Buộc bà H trả cho ông H số tiền 202.500.000 đồng của hai giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013 và ngày 07/8/2014, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của bà Nguyễn Thị Minh H theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên ngày 11/8/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì ông H tự nguyện chịu.

- Bị đơn bà H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lý Thế H khởi kiện bà Nguyễn Thị Minh Hòa trả số tiền vay phát sinh tranh chấp từ các giấy cam kết mượn tiền được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và kết quả xác minh của Công an Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “*Đương sự Nguyễn Thị Minh H sinh năm 1958 có hộ khẩu thường trú tại: Căn hộ số A Chung cư S, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại căn hộ số A Chung cư S, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có 04 nhân khẩu: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1958 ...chuyển về từ năm 2011 cho đến nay*”. Do bị đơn bà H cư trú tại căn hộ số A Chung cư S, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Bị đơn bà H được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Đại diện nguyên đơn ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên Tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên xét xử vắng mặt ông L.

[1.5] Bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

Nguyên đơn ông Lý Thế H yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H trả số tiền 202.500.000 đồng theo giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H tự nguyện chịu số tiền 5.100.000 đồng chi phí giám định theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên ngày 11/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà H, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Theo kết quả xác minh của Công an Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “*Đương sự Nguyễn Thị Minh H sinh năm 1958 có hộ khẩu thường trú tại: căn hộ số A Chung cư S, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, cư trú tại địa chỉ này từ năm 2011 cho đến nay*”. Tòa án thực hiện tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp nhưng bà H không nộp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H. Nên căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh như sau: “*2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*.”. Đồng thời, nguyên đơn ông H chứng minh việc vay mượn giữa bà H và ông H theo giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014 mà bà H đã viết, ký và lăn tay xác nhận cho ông H có nội dung như sau: *Đã nhận đầy đủ số tiền một trăm năm mươi triệu đồng. 07/12/2013 lần 1 có nhận một trăm năm mươi triệu đồng. 07/8/2014 lần 2 thêm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng. 07/8/2014 đã trả lại đầy đủ theo thỏa thuận*” là sự việc có thật nên yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014. Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 179/2022/QĐ-TCGD ngày 21/7/2022, trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của bà Nguyễn Thị Minh H đối với tài liệu cần giám định là giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014 cùng

các tài liệu mẫu so sánh bản chính hợp đồng ủy quyền, bên ủy quyền bà Nguyễn Thị Minh H, bên được ủy quyền ông Lý Thế H được công chứng số 013172 ngày 07/12/2013 do Công chứng viên Nguyễn Thị Vân Chi thuộc Văn Phòng công chứng Chợ Lớn chứng nhận.

[2.2] Theo kết luận giám định số 4214/KL-KTHS ngày 08/8/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về đối tượng giám định như sau: “ 1. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Minh H, chữ ký không đề tên tại góc dưới bên phải trên tài liệu cần giám định; Chữ ký dưới mục “Người mượn tiền”, chữ ký mang tên Ng~ Thị M. H trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Thị Minh H trên 02 tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra. 2. Chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Minh H”, chữ viết có nội dung “Đã nhận đầy đủ số tiền một trăm năm mươi triệu đồng” trên tài liệu cần giám định; chữ viết họ tên “Ng~ Thị M. H”, có nội dung “ 07/12/2013 lần 1 có...”, chữ viết có nội dung “07/8/2014 đã trả lãi đầy đủ theo lãi thỏa thuận” trên tài liệu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Thị Minh H trên 02 tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra. 3. Hai dấu vân tay tại góc dưới bên phải trên tài liệu cần giám định so với dấu vân tay của Nguyễn Thị Minh H trên tài liệu mẫu so sánh là dấu vân tay một người.” . Vì vậy, kết luận giám định số 4214/KL-KTHS ngày 08/8/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là chứng cứ phù hợp với quy định tại Điều 93 và khoản 6 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những nhận định được viện dẫn nêu trên đã có đủ cơ sở xác định bà H có vay số tiền 202.500.000 đồng của ông H theo Giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014 mà bà H viết, ký xác nhận cho ông H là có thật.

[2.3] Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh số 191/UBND-XN ngày 30/9/2013 cho bà Nguyễn Thị Minh H có nội dung sau: “Nguyễn Thị Minh H có chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 180/QĐTTLH ngày 05/5/2004 do Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Từ ngày 17/01/2008 đến nay cư trú tại Phường 12, Quận 3 chưa đăng ký kết hôn với ai.”, thể hiện tại thời điểm bà H vay của ông H thì bà H chưa kết hôn.

[2.4] Căn cứ tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”, và tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn như sau: “ 1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có

quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác.”, thì đối chiếu theo giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014 thì giữa ông H , bà H không có thỏa thuận trả lãi, không thỏa thuận thời hạn cụ thể ngày bà H trả tiền cho ông H . Ngày 23/5/2022, ông H có thông báo yêu cầu bà H trả số tiền 202.500.000 đồng cho ông H trong thời hạn 03 ngày và thông báo này được thông báo cho bà H theo vận đơn ngày 23/5/2022 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Dân sự 2005 thời gian thực hiện nghĩa vụ như sau: “ 2. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận và pháp luật không quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự thì các bên có thể thực hiện nghĩa vụ hoặc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải thông báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý.”. Do bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay cho ông H nên ông H khởi kiện yêu cầu buộc bà H phải trả số tiền 202.500.000 đồng theo giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông H tự nguyện chịu số tiền 5.100.000 đồng chi phí giám định theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định viên ngày 11/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà H , không yêu cầu giải quyết số tiền này nên không xét.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 10.125.000 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn ông H được chấp nhận số tiền là 202.500.000 đồng.

[4.1] Theo giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Minh H thì bà H sinh ngày 23/8/1958 nên bà H thuộc đối tượng người cao tuổi là phù hợp tại Điều 2 Luật Người cao tuổi quy định. Bà H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nhưng do bà H không nộp đơn cho Tòa án đề nghị miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nên bà H phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 93, khoản 6 Điều 95, khoản 1 Điều 147, Điều 196,

Điều 208, Điều 210, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 285, Điều 471, khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Minh H trả cho ông Lý Thế H số tiền 202.500.000 đồng theo giấy cam kết mượn tiền ngày 07/12/2013, ngày 07/8/2014 mà bà Nguyễn Thị Minh H viết, ký xác nhận cho ông Lý Thế H . Việc trả tiền được thực hiện một lần, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.125.000 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho ông Lý Thế H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.062.500 đồng theo biên lai thu số 0007333 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Lý Thế H , bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn